**TUẦN 4**

**TOÁN**

**Bài 08: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Củng cố cách thực hiện được phép nhân, phép chia trong bảng đã học

- Thực hiện được tính nhẩm phép nhân, phép chia với (cho) 1một cách tương đối chính xác.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** - GV tổ chức cho Hs hát- GV dẫn dắt vào bài mới- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:+ Thực hiện được phép nhân, phép chia trong bảng đã học+ Thực hiện được tính nhẩm phép nhân, phép chia với (cho) 1. | - HS thực hiện- HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập.****Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 23 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 23,24 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm ào vở.- Hs làm bài- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**\* Bài 1: Tính nhẩm)/VBT tr.23**- GV soi bài làm của HS + Nhận xét bài của bạn?- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời*=> Gv chốt: Một số nhân với 1 được kết quả bằng bao nhiêu?* *Một số chia cho 1 thì được kết quả bằng bao nhiêu?****\*Tương tự với trường hợp chia cho 1*** | - HS quan sát bài làm của bạn- HS nhận xét.- Học sinh trả lời: 2 x 1 = 2 3 x 1 = 3 5 x 1 = 5 |
| **\* Bài 2: Nối theo mẫu (VBT/23)**+ Bài yêu cầu gì?- Thực hiện yêu cầu phần a vào vở bài tập- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.H: Em có nhận xét gì về thừa số thứ nhất, Thừa số thứ hai, tích của các phép nhân ?- Dựa vào nhận xét trên hoàn thành tiếp phần b vào vbt. - Đọc lại nhận xét? | - HS trả lời- HS làm bài vào vở bài tập.- HS trình bày kết quả- HS nhận xét- HS lắng nghe, quan sát- 3-4 HS đọc. |
| **\* Bài 3: VBT/23 Số?**- GV cho HS nêu yêu cầu- GV cho HS làm bài tập vào vbt.- GV cho học sinh lên thực hiện- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức *=> Gv chốt các bảng nhân, chia đã học* | - 1 HS nêu: - HS làm việc theo nhóm- HS nêu từng phép tính. |
| **\* Bài 4: VBT/24.** - GV gọi 1 hs đọc bài toán+ Bài toán hỏi gì? - GV lưu ý: Trước khi giải bài toán cần đổi 1chục = 10- Giải bài toán vào vbt- Gọi HS lên chia sẻ bài.**\* Bài 5: VBT/24. Số?**- Đọc yêu cầu?- HS làm việc vào vở bài tập.- Chữa bài: 2 x ? = 10 4 x ? = 16 14 : ? = 7b) GV dành cho HS khá ,giỏiGV HS quan sát “tháp số” để nhận ra: 1 x 5 = 5; 2 ô trên và chính giữa hai ô có số 1và số 5; 5 x 1 = 5; 5 ở ô trên và chính giữa hai ô có số 1 và số 5..... Từ đó tìm được các số ở các ô còn lại.- GV nhận xét. Chốt lời giải đúng. | + Hỏi Lan đã cắm vào mỗi lọ bao nhiêu bông hoa?- HS làm vbt- HS lên chia sẻ.- HS thảo luận nhóm 4- Đại diện các nhóm nêu ý kiến- Các nhóm khác nhận xét. Bổ sung. |
| **3. Vận dụng**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành:**-** GV tổ chức trò chơi: Chuyền bóng sau bài học để học sinh nhận biết phép nhân, phép chia với (cho) 1.1 x 1 = ? 3 : 1 =?1 x 5 = ? 6 : 1 =?1 x 3 = ? 4 : 1 =?- Nhận xét, tuyên dương- GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nghe- HS thực hiện |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**............................................................................................................................................................................................................................................................ |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**BÀI 8: LUYỆN TẬP CHUNG ( Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách thực hiện tính nhẩm phép nhân, phép chia trong bảng đã học

- Thực hiện được tính nhẩm phép nhân , phép chia có số 0.

- Củng cố cách tính độ dài đường gấp khúc dựa vào phép nhân.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép nhân đã học.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

***2. Học sinh:*** Vở bài tập Toán

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- HS làm bảng con để khởi động bài học.2 x = 12 12 : = 61 x = 5 25 : = 5- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS làm bảng con- HS nêu kết quả- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập.****Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 24,25 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 24, 25 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.- Hs làm bài- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**Bài 1.(Làm việc cá nhân) Tính( theo mẫu)**- GV cho HS nêu yêu cầu và đọc mẫu- GV cho làm vở bài tập- Cho HS nêu kết quả H: Em có nhận xét gì về thừa số thứ nhất, thừa số thứ hai, tích của 3 phép nhân?H: Vậy 0 nhân với 1 số cho kết quả là bao nhiêu?*=> Gv chốt:**Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0* *Số 0 chia cho số nào khác 0 cũng bằng 0***-** GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 2: (Làm việc nhóm 2) Nối 2 phép tính có cùng kết quả?**- GV cho HS nêu yêu cầu- GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào vbt.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.**Bài 3: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán có lời văn.****-** GV cho HS đọc đề toán, tìm hiểu đề bài (cho biết gì? hỏi gì? Phải làm phép tính gì?- GV cho HS làm bài vào vbt- GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 4. (Làm việc cá nhân) Tính độ dài đường gấp khúc ABCDE**- GV cho HS nêu yêu cầu - GV gợi ý cho HS đường gấp khúcABCDE có 4 đoạn thẳng có cùng độ dài là 4 cm vậy ta nên làm phép tính gì?- GV cho làm vbt- YCHS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.*=> Gv chốt: Nêu cách tính độ dài đường gấp khúc?***Bài 5. (Làm việc cá nhân) Số?**- GV cho HS nêu yêu cầu- GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào vbt.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV nhận xét tuyên dương. | - HS nêu và đọc mẫu- HS làm việc cá nhân- HS nêu kết quảa) 0 x 6 =0 ; 0 x 4 =0 ;0 x 7 =0b) 0 x 2= 0 0 x 8= 0  0 x 5 = 0 0 x 9 = 0 0 : 2 = 0 0 : 8 = 0 0 : 5 = 0 0 : 9 = 0- HS trả lời.- HS nhắc lại- HS nêu YC- HS làm VBT- HS trình bày – nhận xét- HS lắng nghe­­- HS đọc đề trả câu hỏi- HS làm vào vbt- 1 HS lên chia sẻ Bài giải:Số quyển vở tổ Hai góp được là:4 x 9 = 36(quyển vở)Đáp số: 36 quyển vở- HS nêu yêu cầu- HS làm vào vbt- HS nêu bài làm: Bài giải:Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:4 x 4 = 16(cm)Đáp số: 16 cm- HS nhận xét- HS nêu yêu cầu- HS làm vào vbt.- HS nêu kết quả- HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng.****-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để HS nhận biết dược Thực hiện được tính nhẩm phép nhân, phép chia với 0:0 x 2 = 0 x 3 =0 : 3 = 0: 3 =- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS trả lời |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA**

**ÔN BÀI 9: BẢNG NHÂN 6, BẢNG CHIA 6 (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố được bảng nhân 6, bảng chia 6.

- Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 6, bảng chia 6.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

***2. Học sinh:*** Vở bài tập Toán

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**- GV tổ chức trò chơi *“Giúp ong về tổ”* để khởi động bài học.+ Câu 1: 5 x 6 = ....A. 11 B. 30 C. 1 D. 35+ Câu 2: 16 : 4 = .....A. 12 B. 20 C. 4 D. 9+ Câu 3: 0 : 5 = .....A. 1 B. 0 C. 5 D. 50+ Câu 4: 7 con gà có mấy cái chân? Biết 1 con gà có 2 cái chânA. 9 cái chân B. 14 cái chânC. 6 cái chân D. 32 cái chân- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- HS Trả lời: + Câu 1: B+ Câu 2: C+ Câu 3: B+ Câu 4: B- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập.****Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 26 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 26,27 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.- Hs làm bài- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?****-** GV mời 1 HS nêu YC của bài- Yêu cầu học sinh tính nhẩm các phép tính, tìm và viết các kết quả của phép tính ở mỗi ô trống**-** Chiếu bài làm của HS và mời lớp nhận xét**-** GV nhận xét, tuyên dương.- GV cho HS nhận xét về mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia*=> Gv chốt:* *Ta lấy tích của phép tính nhân chia cho thừa số này thì kết quả là thừa số kia. Đó là mối quan hệ của phép nhân và phép chia.***Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Nói ( Theo mẫu)?** - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tính nhẩm các phép tính trrong bảng nhân, chia (đã học) để nối phép tính với kết quả vào vbt.- Mời đại diện nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV hỏi HS:+ Vì sao em nối chú chó mang phép tính 42: 6 với ô số 7? ...*=> Gv chốt: Đọc lại bảng nhân, chia 6?***Bài 3: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán có lời văn.****-** GV cho HS đọc đề toán, tìm hiểu đề bài (cho biết gì? hỏi gì? Phải làm phép tính gì?- GV cho HS làm bài vào vbt- GV nhận xét, tuyên dương.*=> Gv chốt:Nêu câu lời giải khác của bài toán?***Bài 4: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán có lời văn.****-** GV cho HS đọc đề toán, tìm hiểu đề bài (cho biết gì? hỏi gì? Phải làm phép tính gì?- GV cho HS làm bài vào vbt- Soi bài. Gọi 1 HS lên chia sẻ- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS nêu: Điền số- HS làm vào vbt- HS quan sát và nhận xét- HS nghe- HS trả lời- HS nghe- 1HS nêu: Nối phép tính với kết quả- HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện theo yêu cầu của GV- Đại diện 1 nhóm nêu kết quả - HS nghe- HS trả lời+ ... vì phép tính 42 : 6 = 7-2-3 HS đọc.- HS đọc bài toán+ Bài toán hỏi 5 hộp như vậy có bao nhiêu bút chì màu?- HS làm vào vbtBài giải:Số bút chì màu 5 hộp có là:6 x 5 = 30(bút chì màu)Đáp số: 30 bút chì- HS đọc bài toán.- Bài toán hỏi xếp được bao nhiêu hộp bánh?- HS làm vào vbt- HS nêu bài làm:Bài giải:Số hộp bánh xếp được là:48 : 6 = 8(hộp bánh)Đáp số: 8 hộp bánh- HS nhận xét |
| **3. Vận dụng.****-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 6, bảng chia 6+ Câu 1: 6 x 8 = ?+ Câu 2: 54 : 6 = ?- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS trả lời:+ Câu 1: 6 x 8 = 48+ Câu 2: 54 : 6 = 9- HS nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA**

**ÔN BÀI 9: BẢNG NHÂN 6, BẢNG CHIA 6 (Tiết 2)**

 **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố bảng nhân 6, bảng chia 6.

- Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 6, bảng chia 6.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

***2. Học sinh:*** Vở bài tập Toán

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**- GV tổ chức trò chơi *“Rung chuông vàng”* để khởi động bài học.+ Câu 1: 5 x 4 = ....A. 30 B. 24 C. 20 D. 35+ Câu 2: 36 : 6 = .....A. 6 B. 7 C. 8 D. 9+ Câu 3: 0 : 6= .....A. 1 B. 0 C. 7 D. 10+ Câu 4: Có 6 cái bàn, mỗi cái bàn có 4 cái chân. Vậy có tất cả…. chân bàn?A. 2 B. 10 C. 24 D. 20- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- HS Trả lời: + Câu 1: C+ Câu 2: A+ Câu 3: B+ Câu 4: C+ Câu 5: D- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập.****Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 27 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 27 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.- Hs làm bài- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**Bài 1. (Làm việc nhóm đôi) Điền các số còn thiếu** **-** GV mời 1 HS nêu YC của bài- Yêu cầu học sinh tìm và chia sẻ số cần điền với bạn.*=> Gv chốt: Đọc lại 2 dãy số đã điền hoàn chỉnh phần a;b*+ So sánh về các số ở phần a và b?*=> Gv chốt:**Dãy số là kết quả của phép nhân trong bảng 6 nên muốn tìm số ta chỉ cần đếm cách đều 6.***Bài 2: (Làm việc cá nhân) Số?** - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài- Yêu cầu HS điền số vào ô trống- Soi bài. Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.*=> Gv chốt: Em vận dụng kiến thức nào để làm bài 2?Đọc lại bảng nhân 6, chia 6?***Bài 3: Số?** - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài- Yêu cầu HS tính nhẩm các phép tính rồi viết số thích hợp vào ô trống?- Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.*=> Gv chốt: Em nhận xét gì về các phép tính trong bài tập 3?* *Để điền được các số em thực hiện theo thứ tự nào?* **Bài 4: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán có lời văn**- Gọi 1 HS bài toán- Bài này có mấy yêu cầu (câu hỏi). Đó là những câu hỏi nào?- Yêu cầu HS giải bài toán vào vbt.- Soi bài. Gọi H lên chia sẻ*=> Gv chốt: cách trình bày bài giải khi bài toán có 2 phần( 2 câu hỏi)* | - 1 HS nêu: Điền các số còn thiếu- HS chia sẻ với bạna/ 18; 30; 36; 42; 48; 54b/ 42; 36; 30; 24; 18; 12-HS nhận xét- 2-3 HS đọc.\* Giống nhau: Đều là kết quả của phép nhân trong bảng 6\* Khác nhau:+ Phần a là dãy số cách đều 6 tăng dần+ Phần b là dãy số cách đều 6 giảm dần dần- HS nghe- 1HS nêu: Số- HS thực hiện cá nhân theo yêu cầu của GV- 1HS trình bày- HS đọc.- 1HS nêu: Số- HS thực hiện theo yêu cầu của GV- Hs nêu các phép tính tìm ra kết quả- Chỉ có phép nhân và phép chia- Em thực hiện từ trái sang phải- 1 HS đọc- ...2 câu hỏi. - HS làm bài- HS chia sẻ cùng bạn |
| **3. Vận dụng.****-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 6, bảng chia 6+ Câu 1: 6 x 8 = ?+ Câu 2: 54 : 6 = ?+ Câu 3: Một đoạn dây dài 42 cm được cưa thành 6 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dây đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS trả lời:+ Câu 1: 6 x 8 = 48+ Câu 2: 54 : 6 = 9+ Câu 3: Mỗi đoạn dây dài 7cm- HS nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA.**

**ÔN BÀI 10: BẢNG NHÂN 7, BẢNG CHIA 7 (T1) – Trang 28**

 **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Ghi nhớ được bảng nhân 7, bảng chia 7.

+ Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 7, bảng chia 7.

+ Sử dụng được bảng nhân, chia để tính được một số số phép nhân, phép chia trong bảng.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

***2. Học sinh:*** Vở bài tập Toán

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- GV tổ chức trò chơi Ai nhanh, ai đúng để khởi động bài học.+ Câu 1: 6 x 4 = ?+ Câu 2: 6 x 9 = ?+ Câu 3: 30 : 6 = ?+ Câu 4: 18 : 6 = - GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: 6 x 4 = 24+ Trả lời: 6 x 9 = 54+ Trả lời: 30 : 6 = 5+ Trả lời: 18 : 6 = 3- HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập.****Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 28 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 28 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.-Hs làm bài- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:**Bài 1: (Làm việc nhóm 2) Số?**- Gọi HS nêu yêu cầu bài- GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.*=> Gv chốt: Để điền được số vào ô trống em vận dụng kiến thức nào đã học? Đọc lại bảng nhân 7, chia 7?***Bài 2. (Làm việc cá nhân)** . - GV gọi HS nêu yêu cầu bài**-** GV cho HS làm bài vào vbt- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau, GV bắn từng kết quả lên màn hình. *=> Gv chốt: Trước khi tìm được số hạt dẻ ghi phép tính có kết quả bé hơn 35 em cần phải làm gì?***Bài 3: (Làm việc cá nhân) :** - Gọi 2 HS đọc đề bài toán.+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?+ Muốn biết 6 lọ cắm được bao nhiêu bông hoa ta làm tính gì ?- Gọi HS đọc bài giải, Gọi HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương.**Bài 4. (Làm việc nhóm đôi)** . **Nối 2 phép tính có kết quả bằng nhau**- HS nêu yêu cầu bài toán- Thảo luận nhóm đôi trong 4 phút để hoàn thành yêu cầu bài toán*=> Gv chốt: Đọc lại các bảng nhân 7, chia 7?*  | - HS đọc yêu cầu bài - Nhóm làm bài vào vbt.- Đọc bài làm của nhóm - Nhận xét.- Em vận dụng bảng nhân 7, chia 7.­­- HS nêu yêu cầu bài - HS làm bài vào vbt- B1: Tìm kết quả các phép tính- B2: So sánh các kết quả để tìm ra các số bé hơn 35- B3: Đếm các số đó.- HS đọc bài toán+ Hỏi 6 lọ như vậy cắm được bao nhiêu bông hoa? - HS làm vào vbt- HS nhận xét lẫn nhau Bài giải:Số bông hoa 6 lọ như vậy cắm được là :7 x 6 = 42 ( bông hoa ) Đáp số : 42 bông hoa.- HS thảo luận nhóm đôi.- Đại diện nhóm trình bày ý kiến.- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| **3. Vận dụng.****-** GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để ôn lại bảng nhân 7, bảng chia 7. - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |